

Số: 1006/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 28 tháng 4 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Phước Long.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 463/HĐND-KT ngày 22/12/2015 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thỏa thuận danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 238/TTr-STNMT ngày 15/4/2016 và của UBND thị xã Phước Long tại Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 11/4/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Phước Long với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)						
			Phường Thác Mơ	Phường Long Thủy	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
(1)	(2)	(3)=(4+5+...10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>TỔNG DTTN (1+2+3)</b>	<b>11.938,43</b>	<b>2.106,51</b>	<b>418,95</b>	<b>1.653,29</b>	<b>1.247,61</b>	<b>1.300,67</b>	<b>2.184,90</b>	<b>3.026,49</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>8.048,66</b>	<b>217,76</b>	<b>206,67</b>	<b>1.525,77</b>	<b>908,22</b>	<b>1.114,15</b>	<b>2.033,00</b>	<b>2.043,09</b>
1.1	Đất trồng lúa	83,12		1,48	59,22		8,77	13,63	
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	72,86			59,22			13,63	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	41,82	4,60	4,94	6,35		6,99	13,50	5,43
1.3	Đất trồng cây lâu năm	6.797,05	210,90	197,99	514,70	908,22	1.097,37	2.005,23	1.862,63
1.4	Đất rừng phòng hộ								
1.5	Đất rừng đặc dụng	1.118,78	2,26		941,50				175,03
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	7,90		2,25	4,00		1,02	0,63	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>3.889,77</b>	<b>1.888,75</b>	<b>212,28</b>	<b>127,52</b>	<b>339,39</b>	<b>186,51</b>	<b>151,91</b>	<b>983,41</b>
2.1	Đất quốc phòng	97,38	36,40	0,58				30,00	30,40
2.2	Đất an ninh	3,16	0,02	2,73	0,20	0,20	0,01		
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	6,94	0,13	1,02	0,07	3,51	2,10		0,09
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi	91,95	11,95	3,47	12,09	19,75	30,15	9,13	5,41



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)						
			Phường Thác Mơ	Phường Long Thủy	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
(1)	(2)	(3)=(4+5+...10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	nông nghiệp								
2.5	Đất phát triển hạ tầng	2.763,01	1.649,30	61,44	44,68	84,09	34,67	31,44	857,38
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	7,80	2,80		5,00				
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	12,76	2,08					10,68	
2.8	Đất ở tại nông thôn	87,09						20,81	66,28
2.9	Đất ở tại đô thị	390,17	44,13	68,73	44,29	157,39	75,64		
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	42,42	0,56	4,64	0,66	34,05	0,68	0,51	1,33
2.11	Đất xây dựng trụ sở của TCSN	3,43		2,63	0,80				
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	17,57	0,39	1,07	2,98	4,73	3,69	1,06	3,66
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	27,86		0,39	6,54	6,31	1,36	5,80	7,46
2.14	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	21,46	16,46					5,00	
2.15	Đất sinh hoạt cộng đồng	2,97	0,57	0,16	0,25	0,50	0,44	0,62	0,44
2.16	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	9,31	0,42	2,51		6,38			
2.17	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,19			0,18				0,01
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	257,62	123,54	55,02	9,79	6,82	17,01	35,95	9,49
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	44,01		7,78		15,45	20,78		
2.20	Đất phi nông nghiệp khác	2,66		0,12		0,19		0,90	1,45
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>								
<b>4</b>	<b>Đất đô thị</b>	<b>6.727,03</b>	<b>2.106,51</b>	<b>418,95</b>	<b>1.653,29</b>	<b>1.247,61</b>	<b>1.300,67</b>		

## 2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)						
			Phường Thác Mơ	Phường Long Thủy	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
(1)	(2)	(3)=(4+5+...10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>235,57</b>	<b>52,30</b>	<b>2,96</b>	<b>94,69</b>	<b>2,75</b>	<b>0,06</b>	<b>45,55</b>	<b>37,26</b>
1.1	Đất trồng lúa	0,08						0,08	
1.2	Đất trồng cây lâu năm	120,49	27,30	2,96	4,69	2,75	0,06	45,47	37,26
1.3	Đất rừng đặc dụng	115,00	25,00		90,00				
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>3,90</b>		<b>0,83</b>	<b>0,39</b>	<b>0,06</b>	<b>1,21</b>	<b>0,02</b>	<b>1,35</b>
2.1	Đất phát triển hạ tầng	0,94		0,70	0,06		0,18		
2.2	Đất ở tại nông thôn	1,28						0,68	0,60
2.3	Đất ở tại đô thị	0,21		0,13	0,03	0,03	0,02		
2.4	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,33			0,30	0,03			
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	1,15					1,01		0,14

## 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính (ha)
-----	------------------	----------------	----------------------------------

			Phường Thác Mơ	Phường Long Thủy	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
(1)	(2)	(3)=(4+5+...10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	180,56	41,72	5,35	23,06	10,23	4,74	53,97	41,49
1.1	Đất trồng lúa	0,08						0,08	
1.2	Đất trồng cây lâu năm	162,68	39,92	5,35	7,06	10,23	4,74	53,89	41,49
1.3	Đất rừng đặc dụng	17,80	1,80		16,00				
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	97,20	23,20		74,00				
2.1	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	97,20	23,20		74,00				
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	24,56		0,70		23,86			

#### 4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Năm 2016, thị xã Phước Long không còn đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Phước Long được phê duyệt, UBND thị xã Phước Long có trách nhiệm:

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Ban Quản lý Khu kinh tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Phước Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

#### Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, P. KTN, KTTH;
- Lưu: VT(HH268).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Huỳnh Anh Minh